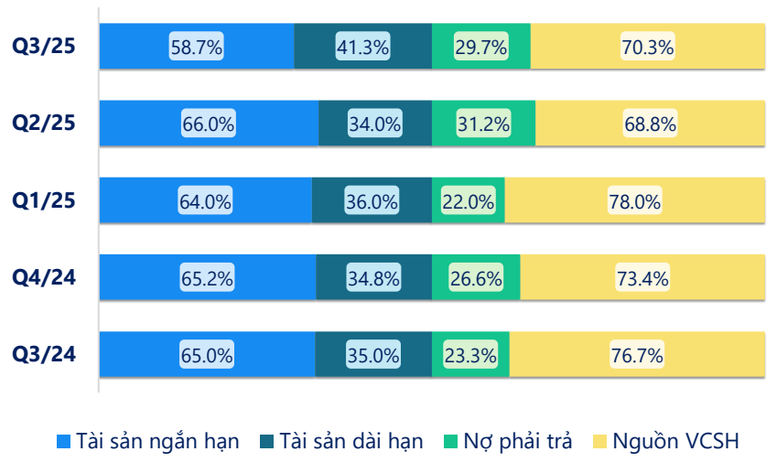
FireAnt

CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (HSX: DBD)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	53,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	59,786
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	43,055
SL cổ phiếu LH	94,489,262
KLGD BQ 20 phiên (CP)	161,810
% sở hữu nước ngoài	15.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,093
P/E	17.4
EPS	3,089

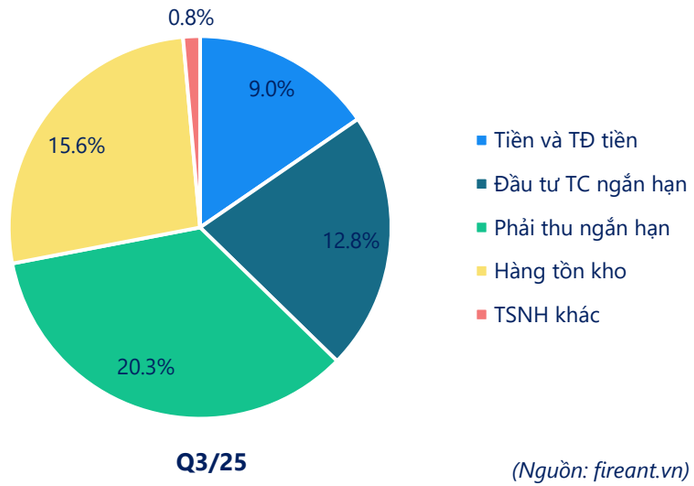
	YTD	1T	3T	6T
DBD	-5.3%	1.7%	-1.1%	3.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



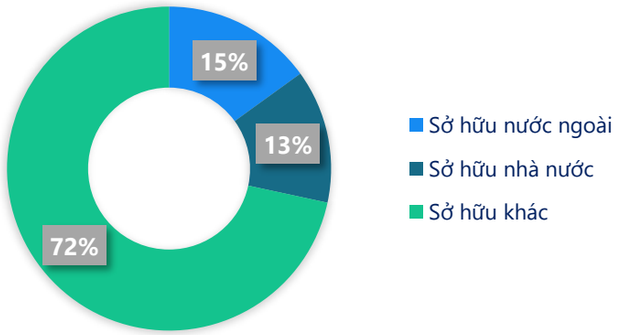
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



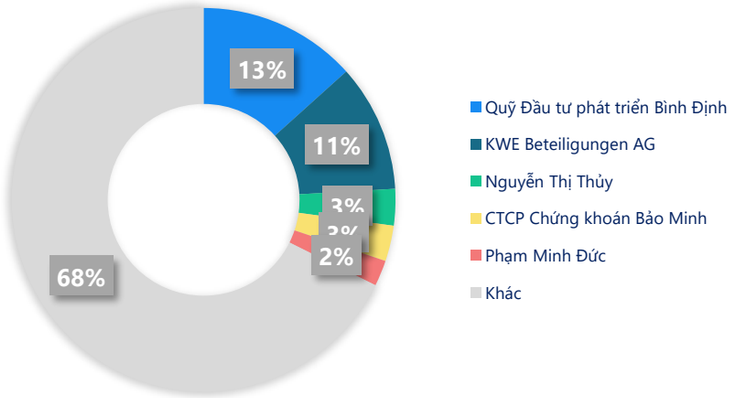
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



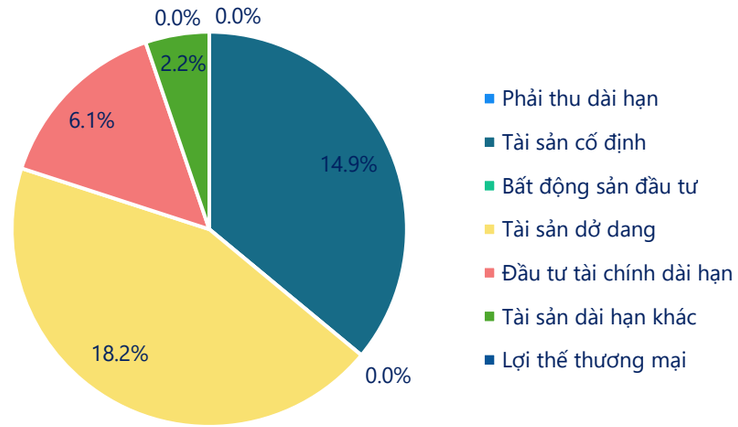
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

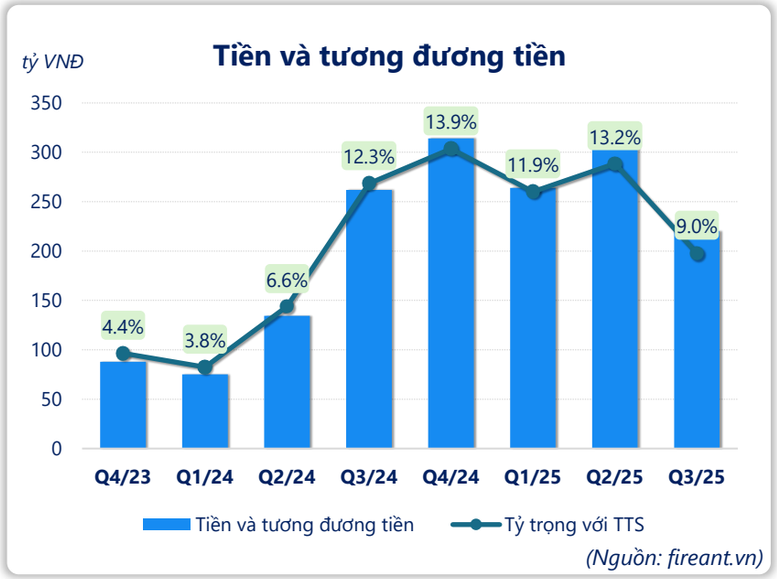
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



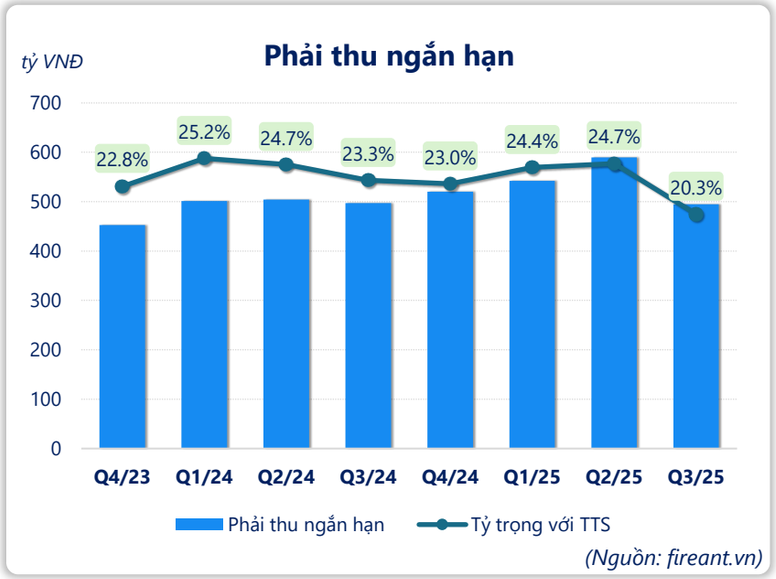
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

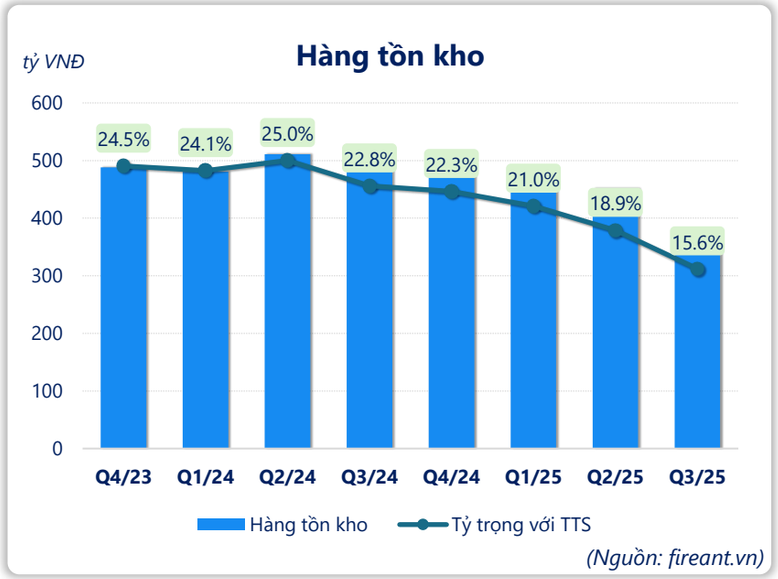
CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (HSX: DBD)



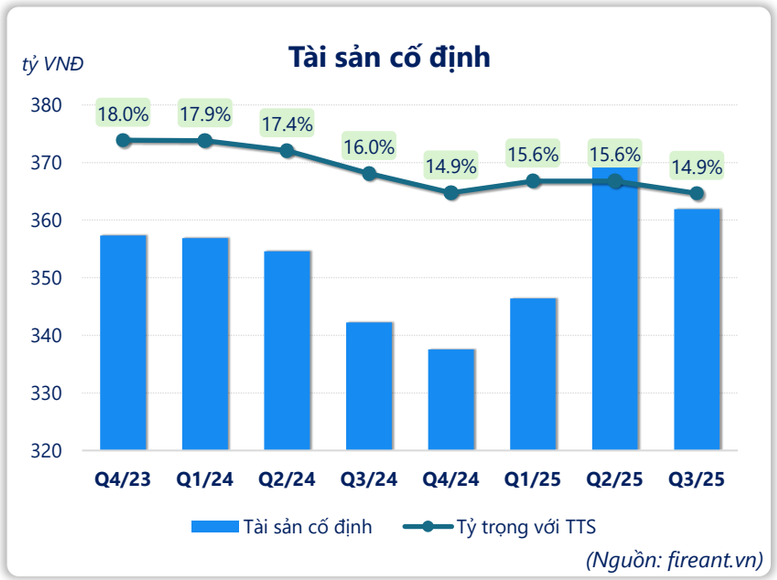
(Nguồn: fireant.vn)



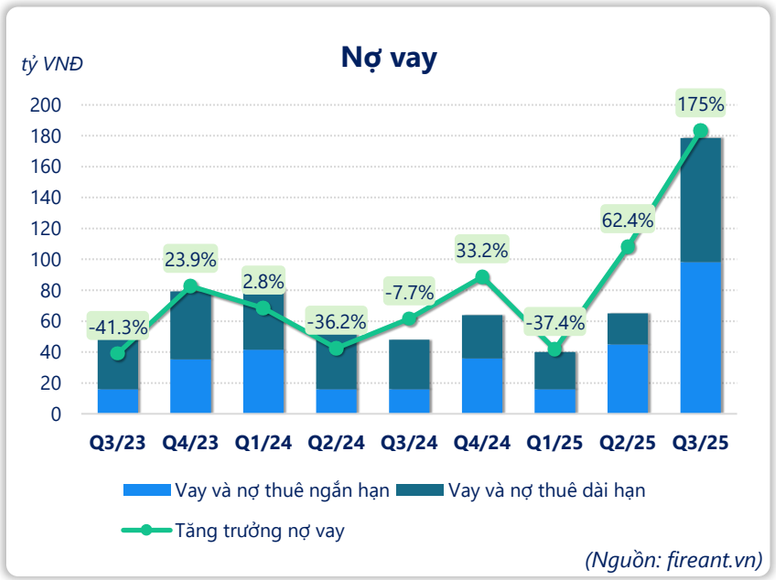
(Nguồn: fireant.vn)



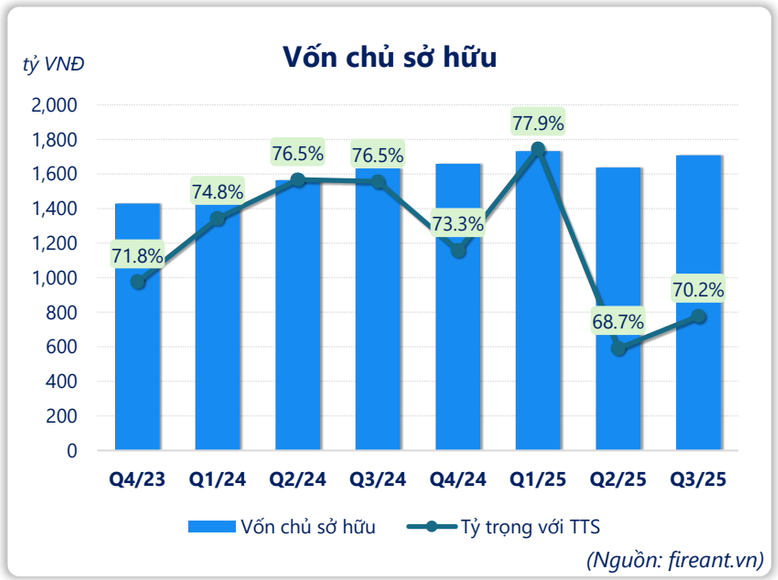
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

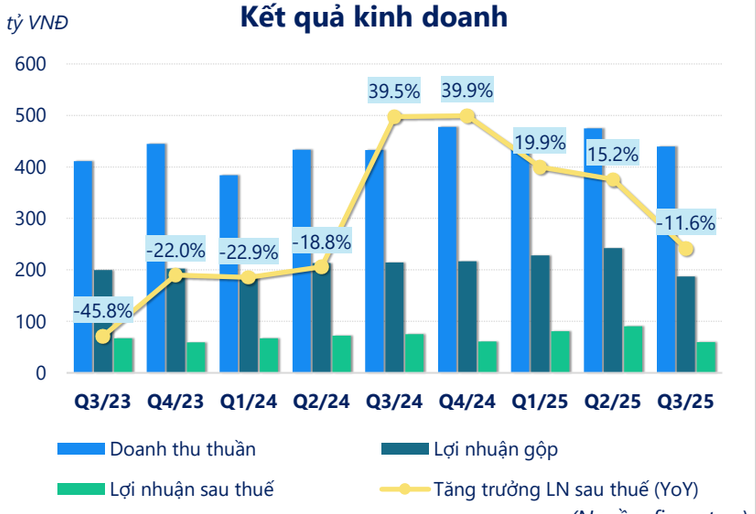


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

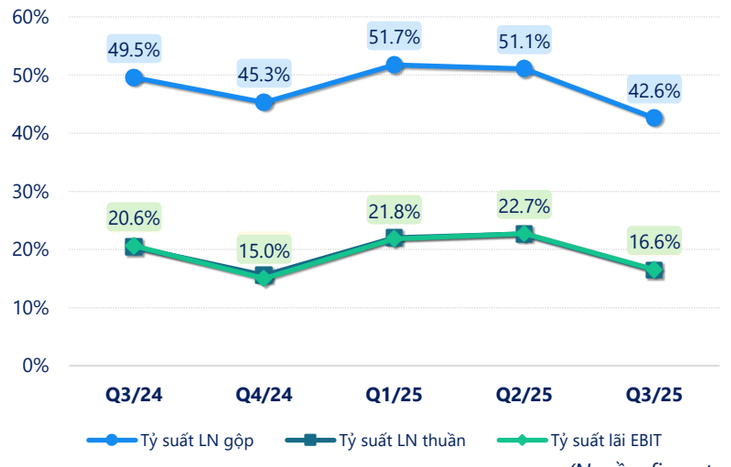
CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (HSX: DBD)

Kết quả kinh doanh



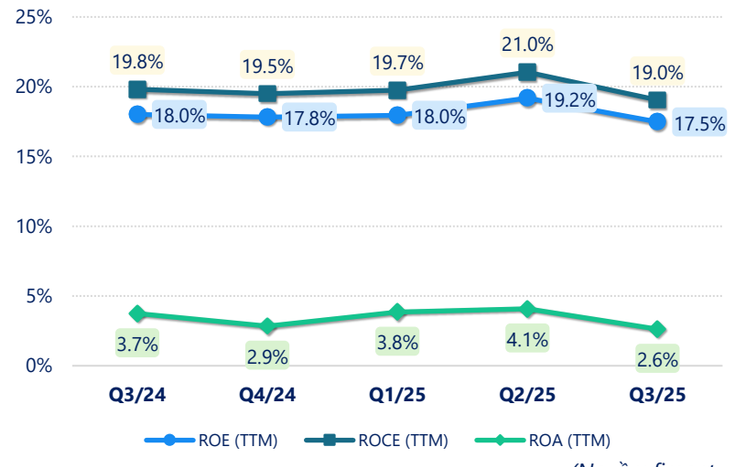
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



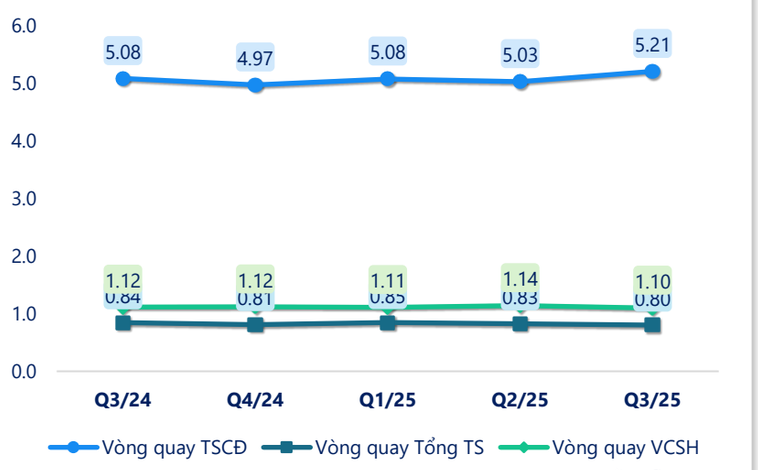
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



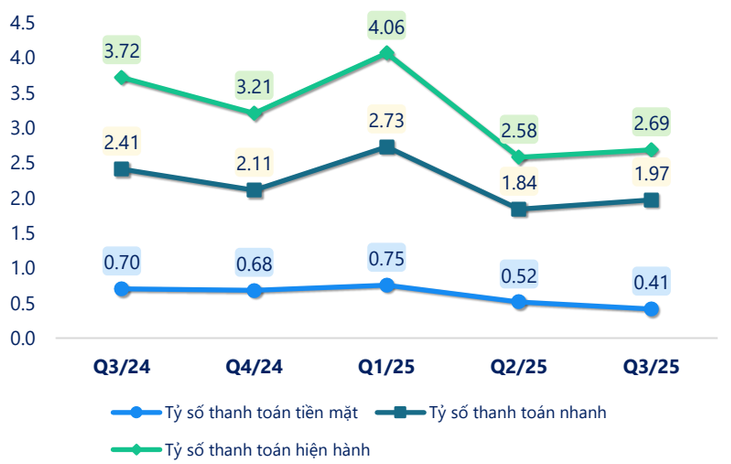
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



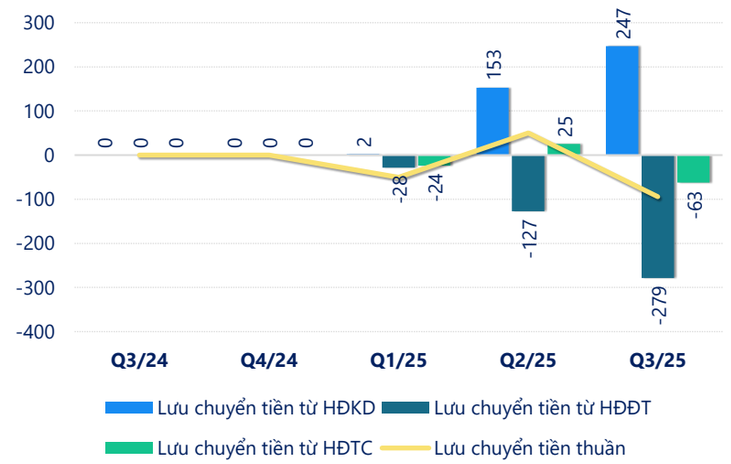
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (HSX: DBD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,432**	**2,264**	**7.4%**
Tài sản ngắn hạn	1,427	1,476	-3.4%
Tiền và tương đương tiền	220	314	-30.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	312	124	151%
Phải thu ngắn hạn	495	520	-4.9%
Hàng tồn kho	379	505	-24.9%
Tài sản ngắn hạn khác	20.4	12.1	68.9%
Tài sản dài hạn	**1,005**	**788**	**27.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	362	338	7.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	442	233	89.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	148	164	-9.6%
Tài sản dài hạn khác	**52.6**	**52.7**	**-0.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	722	603	19.8%
Nợ ngắn hạn	**531**	**460**	**15.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	98.2	35.9	173%
Phải trả người bán ngắn hạn	154	161	-4.5%
Nợ dài hạn	191	143	34.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	80.3	28.0	187%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,709**	**1,661**	**2.9%**
Vốn chủ sở hữu	**1,708**	**1,659**	**2.9%**
Vốn điều lệ	945	936	1.0%
Kinh phí và quỹ khác	**1.62**	**2.41**	**-32.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	433	478	441	475	440
Giá vốn hàng bán	218	261	213	232	252
Lợi nhuận gộp	214	216	228	242	187
Doanh thu HĐTC	3.37	4.63	4.20	5.01	9.09
Chi phí TC	4.74	4.20	3.21	3.49	4.09
Chi phí lãi vay	0.82	0.99	0.72	0.79	1.34
LN trong công ty LKLD	6.95	13.6	7.99	3.60	-8.44
Chi phí bán hàng	111	100	92.9	133	88.1
Chi phí QLDN	21.0	55.9	47.1	7.14	23.6
LN thuần từ HĐKD	88.4	74.4	97.1	108	72.2
Lợi nhuận khác	-0.05	-3.61	-1.60	-0.49	-0.71
LN trước thuế	88.4	70.8	95.5	107	71.5
Lợi nhuận sau thuế	75.0	60.6	81.0	90.3	59.9
LNST của CĐ cty mẹ	75.0	60.6	81.0	90.3	59.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	2.14	153	247
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	-28.4	-127	-279
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-23.9	24.9	-62.6
Tiền đầu kỳ	0	0	314	264	314
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**-50.2**	**50.2**	**-94.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	-0.01	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	0	0	264	314	220

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic